

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH LÂM ĐỒNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 199/2026/DS-PT

Ngày: 07/4/2026

V/v: “*Tranh chấp hợp đồng dân sự
mua bán tài sản*”

NHÂN DANH QUỐC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT
NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LÂM ĐỒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Dư Thành Trung

Các Thẩm phán:

Ông Đặng Ngọc Bình

Bà Nguyễn Thị Bích Thảo.

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Ngọc Thùy Dung- Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa: Bà Ngô Hoàng Thanh Hải- Kiểm sát viên.

Ngày 07/4/2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm công khai vụ án Dân sự thụ lý số 45/2026/TLPT-DS ngày 15/01/2026, về việc “*Tranh chấp hợp đồng dân sự mua bán tài sản*”.

Do bản án sơ thẩm số 32/2025/DS-ST ngày 18/8/2025 của Tòa án nhân dân Khu vực 4- Lâm Đồng bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 54/2026/QĐ-PT ngày 28/01/2026; Quyết định hoãn phiên tòa số 90/2026/QĐ-PT ngày 27/02/2026; Quyết định tạm ngừng phiên tòa 19/2026/QĐ-PT ngày 06/3/2026; Thông báo về việc mở lại phiên tòa số 102/TB-PT ngày 20/3/2026; Quyết định hoãn phiên tòa số 151/2026/QĐ-PT ngày 31/3/2026; giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Đ, sinh năm 1972.

Địa chỉ: Thôn A, xã B, tỉnh Lâm Đồng; có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

- Bị đơn: ông Huỳnh Văn T, sinh năm 1967.

Địa chỉ: thôn A, xã B, tỉnh Lâm Đồng; có mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn:

+ Ông Nguyễn Minh T1, sinh năm 1983.

Địa chỉ: Số A T, phường X- Đ, tỉnh Lâm Đồng; có mặt.

+ Bà Lưu Thị T2, sinh năm 2002.

Địa chỉ: Thôn Đ, xã Đ, tỉnh Hưng Yên; có mặt.

+ Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 2000.

Địa chỉ: Xóm X, xã N, tỉnh Nghệ An; vắng mặt.

Theo đơn kháng cáo của bị đơn ông Huỳnh Văn T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện đề ngày 20/3/2025 và quá trình tố tụng nguyên đơn bà Nguyễn Thị Đ trình bày:*

Bà Nguyễn Thị Đ có bán phân bón nhiều lần cho ông Huỳnh Văn T và ông T có chốt cà phê nhân với bà Đ. Tính đến ngày 18/01/2023 ông T còn nợ bà Đ số tiền mua phân bón là 31.323.000 đồng và số cà phê nhân là 2000 kg, ông T có viết giấy hẹn tháng 02/2023 âm lịch sẽ trả hết nợ cho bà Đ, chữ ký trong giấy viết hẹn nợ là của ông T. Ngày 22/12/2023, ông T trả được cho bà Đ số cà phê nhân là 961 kg đầu giá. Hiện tại ông T còn nợ bà Đ số tiền mua phân bón là 31.323.000 đồng và 1.039 kg cà phê nhân, mặc dù bà Đ đã đòi nhiều lần ông T không trả cho bà Đ. Do đó, bà Đ khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông T phải trả cho bà Đ số tiền nợ mua phân bón là 31.323.000 đồng và 1.039 kg cà phê nhân trị giá thành tiền theo giá thị trường tại thời điểm Tòa án giải quyết vụ án, bà Đ không yêu cầu tính lãi.

** Bị đơn ông Huỳnh Văn T trình bày:*

Ngày 26/3/2025, Tòa án nhận được đơn của ông T với tiêu đề “Đơn trình bày phản diện” ghi vụ việc bà Đ khởi kiện ông số nợ 160.000.000 đồng hiện nay ông đã có đơn trình báo Công an huyện B, đang chờ kết quả xử lý của các cấp; kèm theo Đơn trình báo có nội dung thể hiện vào năm 2021 ông có chốt 02 tấn cà phê nhân của đại lý cà phê Nguyễn Thị Đ và 03 tạ phân bón NPK giá 1.200.000 đồng/tạ. Đến tháng 12/2021, ông có chở cà phê nhân lên trả sau khi đo trừ độ còn 870 kg ông yêu cầu bà Đ viết giấy trừ nợ nhưng bà Đ nói trả hết rồi trừ luôn. Ngày 21/12/2023, bà Đ đưa xe xuống cân 15 bao được 987 kg đo độ 17,3 độ, bà Đ cho hai xe chở cà phê đi nhưng không viết giấy trừ nợ cho ông. Khoảng 01 tháng sau tức ngày 28 tết âm lịch năm 2023 bà Đ xuống nhà ông nhục mạ đòi 02 tấn cà phê nhân, ông báo Công an, khi Công an mời lên làm việc bà Đ mới thừa nhận có cân trả cà phê và đưa sổ ra nói ông viết vào.

Tòa án đã tiến hành phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng không tiến hành hòa giải được vì lý do ông T không đến làm việc.

Tại Bản án sơ thẩm số 32/2025/DS-ST ngày 18/8/2025 của Tòa án nhân dân Khu vực 4- Lâm Đồng đã xử:

“1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Đ về việc “Tranh chấp hợp đồng dân sự mua bán tài sản” đối với ông Huỳnh Văn T.

Buộc ông Huỳnh Văn T có trách nhiệm phải trả cho bà Nguyễn Thị Đ số tiền nợ phân là 31.323.000 đồng và 1.039 kg cà phê nhân trị giá thành tiền theo giá thị trường là 114.290.000 đồng. Tổng số tiền là 145.613.000 (một trăm bốn mươi lăm triệu sáu trăm mười ba ngàn) đồng.

“Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác”.

Ngoài ra, Bản án còn tuyên về án phí trách nhiệm thi hành án quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 13/11/2025, bị đơn ông Huỳnh Văn T có đơn kháng cáo, không đồng ý với bản án, vì:

Ông T cho rằng ông chỉ còn nợ bà Đ 03 tạ phân bón NPK với giá 1.200.000 đồng/tạ. Đối với 2.000 kg cà phê nhân thì tháng 12/2021 ông đã trả cho bà Đ 870kg, ngày 21/12/2023 ông trả thêm cho bà Đ 987 kg. Như vậy, ông chỉ còn nợ bà Đ 143 kg cà phê nhân. Bản án sơ thẩm đã buộc ông phải trả cho bà Đ số tiền 145.613.000 đồng là không đúng với sự thật khách quan của vụ án.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án không cho ông tiếp cận chứng cứ để ông yêu cầu giám định chữ ký làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền và lợi ích hợp pháp của ông.

Do đó, ông T yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét lại Bản án sơ thẩm số 32/2025/DS-ST ngày 18/08/2025 của Tòa án nhân dân Khu vực 4- Lâm Đồng theo quy định pháp luật.

Tại phiên tòa phúc thẩm,

Ông T cũng như người đại diện theo ủy quyền của ông T cho rằng cấp sơ thẩm đã vi phạm nghiêm trọng Tố tụng như xác định không đúng tư cách của nguyên đơn; đưa thiếu người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Doanh nghiệp tư nhân Q; biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải không ghi đầy đủ các tài liệu có trong hồ sơ vụ án trong khi ông T không có mặt; chưa thu thập đầy đủ tài liệu, chứng cứ để xác định chữ viết, chữ ký tại tài liệu bút lục 21 có phải là của ông T hay không trong khi ông T không thừa nhận. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử hủy bản án giao hồ sơ vụ án về cho cấp sơ thẩm để giải quyết lại theo quy định.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng phát biểu về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và các đương sự tại giai đoạn phúc thẩm cũng như phiên tòa hôm nay đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị đơn. Tuy nhiên, căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự, sửa bản án sơ thẩm tuyên không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện

của bà Đ đối với số tiền 20.780.000 đồng (166.393.000 đồng - 145.613.000 đồng = 20.780.000 đồng) và phải chịu án phí Dân sự sơ thẩm trên số tiền không được chấp nhận này.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa; ý kiến trình bày của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng:* Đơn kháng cáo của bị đơn ông Huỳnh Văn T và thủ tục kháng cáo được thực hiện đúng theo quy định tại các Điều 271, 272, 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự nên đủ điều kiện để Hội đồng xét xử xem xét giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

[2] *Về quan hệ pháp luật tranh chấp:* Xuất phát từ việc bị đơn ông Huỳnh Văn T đã nhiều lần chốt cà phê nhân và mua phân bón của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Đ nhưng không thanh toán hết nợ cho bà Đ nên bà Đ khởi kiện buộc ông T phải trả tiền mua phân bón và cà phê nhân. Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ tranh chấp là “*Tranh chấp hợp đồng dân sự mua bán tài sản*” là có căn cứ.

[3] *Xét kháng cáo của bị đơn ông Huỳnh Văn T thấy rằng:*

[3.1] Về yêu cầu hủy bản án sơ thẩm của ông T, Hội đồng xét xử thấy rằng cấp sơ thẩm đã xác định đúng tư cách của nguyên đơn và bị đơn; đã thực hiện thủ tục tố tụng đạt các văn bản Tố tụng cho ông T đúng quy định tại Điều 177 Bộ Luật Tố tụng Dân sự; xét xử vắng mặt ông T đúng quy định tại Điều 227 Bộ Luật Tố tụng Dân sự; biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải tuy không ghi đầy đủ danh mục các tài liệu có trong hồ sơ vụ án nhưng không làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền và lợi ích hợp pháp của các đương sự. Do đó, yêu cầu hủy bản án sơ thẩm của ông T là không có căn cứ.

[3.2] Về nội dung vụ án:

Tài liệu tại bút lục 21 có nội dung thể hiện: Bà Nguyễn Thị Đ có bán phân bón nhiều lần cho ông Huỳnh Văn T và ông T có chốt cà phê nhân với bà Đ. Tính đến ngày 18/01/2023 ông T còn nợ bà Đ số tiền mua phân bón là 31.323.000 đồng và số cà phê nhân là 2.000 kg, ông T có viết giấy hẹn tháng 2/2023 sẽ trả hết nợ cho bà Đ, chữ ký và viết hẹn nợ là của ông T. Ngày 22/12/2023, ông T trả được cho bà Đ số cà phê nhân là 961 kg đầu giá. Như vậy, hiện tại ông T còn nợ bà Đ số tiền mua phân bón là 31.323.000 đồng và 1.039 kg cà phê nhân.

Ông T trình bày ông có chốt 02 tấn cà phê nhân của bà Nguyễn Thị Đ và 03 tạ phân bón NPK giá 1.200.000 đồng/tạ. Đến tháng 12/2021, ông có chốt cà phê nhân lên trả sau khi đo trừ độ còn 870 kg ông yêu cầu bà Đ viết giấy trừ nợ nhưng bà Đ nói trả hết rồi trừ luôn. Ngày 21/12/2023, bà Đ đưa xe xuống cân 15 bao được 987 kg đo độ 17,3 độ, bà Đ cho hai xe chở cà phê đi nhưng không viết giấy trừ nợ cho ông. Khoảng 01 tháng sau tức ngày 28 tết âm lịch năm 2023 bà

Đ xuống nhà ông nhục mạ đòi 02 tấn cà phê nhân, ông báo Công an, khi Công an mời lên làm việc bà Đ mới thừa nhận có cân trả cà phê và đưa sổ ra nói ông viết vào.

[3.3] Qua xem xét các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn xuất trình và Tòa án thu thập cùng lời trình bày của các đương sự thì thấy rằng ông T thừa nhận có chót 02 tấn cà phê nhân của bà Nguyễn Thị Đ và mua 03 tạ phân bón NPK giá 1.200.000 đồng/tạ của bà Đ. Ông T trình bày tháng 12/2021 đã trả cho bà Đ 870 kg, ngày 21/12/2023 đã trả cho bà Đ 15 bao được 987 kg cà phê nhân; bà Đ chỉ thừa nhận ngày 22/12/2023 ông T trả được cho bà Đ số cà phê nhân là 961 kg đầu giá. Hiện nay ông T còn nợ bà Đ số tiền mua phân bón là 31.323.000 đồng và 1.039 kg cà phê nhân; bà Đ không thừa nhận tháng 12/2021 ông T đã trả cho bà Đ 870 kg cà phê nhân; ông T không cung cấp được bất kì tài liệu, chứng cứ nào để chứng minh cho lời trình bày của mình là có căn cứ và hợp pháp trong khi đó tại giấy chốt nợ (bút lục 21) do bà Đ cung cấp thể hiện ngày 18/01/2023 ông T hện “*số nợ chị Đ cuối tháng 02/2023 âm lịch sẽ trả cho chị*”, có chữ ký của ông T; ông T cho rằng chữ ký trên giấy chốt nợ này không phải là của ông và ông có đơn yêu cầu giám định chữ ký. Tuy nhiên, sau đó ông T xin rút yêu cầu định chữ ký nên không có cơ sở để xem xét.

[3.4] Từ những phân tích, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở xác định hiện tại ông T còn nợ bà Đ số tiền mua phân bón là 31.323.000 đồng và 1.039 kg cà phê nhân. Cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn ông T có nghĩa vụ trả cho bà Đ số tiền nợ mua phân bón là 31.323.000 đồng và 1.039 kg cà phê nhân trị giá thành tiền theo giá thị trường tại thời điểm xét xử (110.000 đồng/ 1kg) là 114.290.000 đồng là có căn cứ.

[4] Bị đơn ông Huỳnh Văn T kháng cáo nhưng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ nào mới làm thay đổi nội dung vụ án nên không có cơ sở để chấp nhận kháng cáo của bị đơn; cần giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm.

[5] Đại diện VKSND tỉnh Lâm Đồng đề nghị sửa bản án sơ thẩm về cách tuyên không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đ đối với số tiền không được Tòa án chấp nhận là 20.780.000 đồng (166.393.000 đồng- 145.613.000 đồng = 20.780.000 đồng) và phải chịu án phí Dân sự sơ thẩm trên số tiền không được chấp nhận là không có căn cứ; bởi lẽ lúc đầu nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả 1.039 kg cà phê nhân theo giá thị trường tại thời điểm khởi kiện là 130.000 đồng/ 1 kg, quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện yêu cầu tính giá cà phê nhân tại thời điểm Tòa án xét xử vụ án là 110.000 đồng/ kg. Do đó, số tiền giảm 20.780.000 đồng không phải là số tiền nguyên đơn yêu cầu mà không được Tòa án chấp nhận nên nguyên đơn không phải chịu án phí Dân sự sơ thẩm đối với số tiền này.

[6] Về án phí: Do kháng cáo không được chấp nhận nên bị đơn ông Huỳnh Văn T phải chịu 300.000 đồng án phí Dân sự phúc thẩm.

Bị đơn ông Huỳnh Văn T phải chịu án phí Dân sự sơ thẩm có giá ngạch trên số tiền phải trả cho nguyên đơn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015;
- Căn cứ khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Huỳnh Văn T; giữ nguyên Bản án Dân sự sơ thẩm số 32/2025/DS-ST ngày 18/8/2025 của Tòa án nhân dân Khu vực 4- Lâm Đồng

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Đ về việc “*Tranh chấp hợp đồng dân sự mua bán tài sản*” đối với ông Huỳnh Văn T.

Buộc ông Huỳnh Văn T có trách nhiệm trả cho bà Nguyễn Thị Đ số tiền nợ mua phân bón là 31.323.000 đồng và 1.039 kg cà phê nhân trị giá thành tiền theo giá thị trường là 114.290.000 đồng. Tổng cộng số tiền là 145.613.000đ (một trăm bốn mươi lăm triệu sáu trăm mười ba nghìn đồng).

“Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác”.

2. Về án phí: Buộc ông Huỳnh Văn T phải chịu 7.280.650 đồng án phí Dân sự sơ thẩm và 300.000 đồng án phí Dân sự phúc thẩm, được trừ vào số tiền 300.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm theo B lại thu tiền số 0010276 ngày 10/12/2025 của Thi hành án Dân sự tỉnh Lâm Đồng, ông Huỳnh Văn T còn phải nộp 7.280.650 đồng.

Bà Nguyễn Thị Đ được nhận lại số tiền 4.159.825 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai số 0004718 ngày 02/4/2025 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Bảo Lâm (nay là Thi hành án Dân sự tỉnh Lâm Đồng).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Lâm Đồng;
- Phòng GD, KT, TTr &THA;
- TAND Khu vực 4- Lâm Đồng;
- THADS tỉnh Lâm Đồng- Phòng THADS Khu vực 4;
- Các đương sự;
- Lưu án văn; Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHỨC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

đã ký

Dư Thành Trung